



ISSN
1859-3968

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
Tập 22, Số 1 (2021): 23-33

Email: tapchikhoahoc@hvu.edu.vn Website: www.hvu.edu.vn

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
HUNG VUONG UNIVERSITY
Vol. 22, No. 1 (2021): 23-33

VAI TRÒ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH PHÚ THỌ

Diep Tô Uyên^{1*}, Phùng Thị Khang Ninh¹,
Trần Thị Bích Nhân¹, Lê Văn Bắc¹, Trần Mạnh Dũng²

¹Khoa Kinh tế & QTKD, Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

²Tạp chí Kinh tế & Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

Ngày nhận bài: 05/8/2020; Ngày chỉnh sửa: 25/8/2020; Ngày duyệt đăng: 28/8/2020

Tóm tắt

Nghiên cứu này dựa trên cơ sở lý thuyết, căn cứ pháp lý của Nhà nước, sử dụng số liệu thống kê để phân tích vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Phú Thọ trong sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương từ năm 2010 đến năm 2018. Kết quả từ nghiên cứu cho thấy, hiện nay tại tỉnh Phú Thọ số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 96% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) hiện nay đang đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người lao động, gia tăng quy mô kinh tế và đóng góp phần lớn vào ngân sách địa phương. Từ phân tích, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị để phát huy vai trò của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương cũng như cung cấp thêm căn cứ khoa học để hoạch định phương hướng phát triển doanh nghiệp ở tỉnh Phú Thọ trong những năm tới.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tỉnh Phú Thọ, vai trò.

1. Đặt vấn đề

Trải qua quá trình lịch sử phát triển lâu dài, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở các nước phát triển và các nước đang phát triển được xem là một lực lượng có tầm quan trọng về kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Các DNNVV hoạt động trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân từ sản xuất công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ... không chỉ có vai trò lớn trong phát triển kinh tế mà còn góp phần giải quyết nhiều vấn đề xã hội. Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa như hiện nay, các nước nói

chung và các quốc gia đang phát triển nói riêng đều chú ý hỗ trợ các DNNVV, nhằm huy động tối đa các nguồn lực tham gia phát triển đất nước [1].

Phú Thọ là một tỉnh thuộc khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ, có tiềm năng lớn và mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và đối ngoại của cả nước. Trong quá trình phát triển của tỉnh Phú Thọ, các doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng giữ vai trò quan trọng, hạt nhân chủ yếu của nền kinh tế. Tại tỉnh Phú Thọ, vị trí DNNVV ngày càng quan trọng, trong đó cơ

*Email: dieptouyen@hvu.edu.vn

bản nhất là tạo được việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế theo hướng năng động hiệu quả. Năm 2018, theo số liệu thống kê, trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có 4.722 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó DNNVV là 4.518, chiếm 95,7% trên tổng số doanh nghiệp và đóng góp hơn 2.524 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước [2]. Theo Báo cáo tổng hợp đánh giá thực trạng và định hướng phát triển nhận lực của tỉnh Phú Thọ đến năm 2025 do Trường Đại học Hùng Vương báo cáo UBND tỉnh (2019), bình quân cứ 263 người mới có 1 doanh nghiệp, trong khi của cả nước con số này là 132, của Thái Lan khoảng 30. Điều đó cho thấy vấn đề phát triển doanh nghiệp nói chung và phát triển DNNVV là vấn đề vô cùng cần thiết. Doanh nghiệp là nhân tố quyết định quy mô, sự gia tăng GRDP và việc làm nên tình hình này không nên để kéo dài [3].

Một số nghiên cứu gần đây đã làm rõ thực trạng và giải pháp phát triển của các doanh nghiệp tỉnh Phú Thọ nói chung trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0 [4]. Mặc dù nghiên cứu đã phân tích chi tiết những kết quả phát triển của các doanh nghiệp ở tỉnh Phú Thọ và có những đề xuất có giá trị cho sự phát triển doanh nghiệp của tỉnh nhưng nghiên cứu này đề cập đến tất cả các doanh nghiệp với các quy mô khác nhau và chưa có phân tích đánh giá cụ thể về nhóm các DNNVV [4].

Trước tình hình như vậy, trong nghiên cứu này tác giả mong muốn trình bày một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của DNNVV ở Phú Thọ để cung cấp thêm cơ sở khoa học cần thiết cho việc hoạch định phát triển doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những năm tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp phân tích theo chỉ tiêu để đánh giá vai trò của DNNVV trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ trong những năm vừa qua. Do đó, trước hết tác giả xác định các chỉ tiêu sẽ được sử dụng để hoàn thành đề tài, bao gồm: (1) Tỷ lệ đóng góp tạo việc làm; (2) Tỷ lệ đóng góp vào ngân sách nhà nước; (3) Tỷ lệ đóng góp thu ngân sách nhà nước; (4) Tỷ lệ đóng góp vào GRDP của tỉnh; (5) Tỷ lệ đóng góp vào giá trị phi nông nghiệp (Phi nông nghiệp là lĩnh vực luôn có năng suất lao động cao hơn lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp).

Để có số liệu phân tích như trên, tác giả phải tiến hành thu thập và xử lý số liệu thống kê, công việc này được tiến hành theo các bước chủ yếu như dưới đây:

Bước 1: Thu thập số liệu. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu điều tra năm 2010, 2015 và 2018 của các cơ quan thống kê (Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh). Dữ liệu được đưa vào phân tích trong Stata 14.

Bước 2: Căn cứ vào yêu cầu nghiên cứu, tác giả xử lý số liệu tỉnh để đưa vào phân tích, đánh giá vai trò của DNNVV trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Số liệu về DNNVV được tổng hợp theo quy định tại Điều 6 của Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 [5].

Bước 3: Phân tích, đánh giá vai trò của DNNVV đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ trong thời kỳ 2010-2018.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa

3.1.1. Nhận diện về doanh nghiệp nhỏ và vừa

Theo Điều 6 tại Nghị định 39/2018/NĐ-CP quy định DNNVV được phân theo quy mô bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh

ng nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa [5]. DNNVV có thể chia thành ba loại cũng căn cứ vào quy mô đó là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa. Khái niệm về doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ rõ ràng phải dựa trước tiên vào quy mô doanh nghiệp. Thông thường đó là tiêu chí về số nhân công, vốn đăng ký, doanh thu..., các tiêu chí này thay đổi theo từng quốc gia, từng chương trình phát triển khác nhau.

- DNNVV có những lợi thế như sau:

+ DNNVV dễ dàng khởi sự, bộ máy chỉ đạo gọn nhẹ và năng động, nhạy bén với thay đổi của thị trường. Doanh nghiệp chỉ cần một số vốn hạn chế, mặt bằng không lớn, các điều kiện sản xuất đơn giản là đã có thể bắt đầu hoạt động. DNNVV có vòng quay sản phẩm nhanh nên có thể sử dụng vốn tự có, hoặc vay bạn bè, người thân dễ dàng; bộ máy tổ chức gọn nhẹ linh hoạt, dễ quản lý, dễ quyết định. Đồng thời, do tính chất linh hoạt cũng như quy mô nhỏ của nó, doanh nghiệp có thể dễ dàng phát hiện thay đổi nhu cầu của thị trường, nhanh chóng chuyển đổi hướng kinh doanh, phát huy tính năng động, nhạy bén trong lựa chọn thay đổi mặt hàng. Khi nhu cầu của thị trường thay đổi hay khi gặp khó khăn, nội bộ doanh nghiệp dễ dàng bàn bạc đi đến thống nhất thực hiện điều chỉnh. DNNVV dễ dàng thực hiện thay đổi máy móc thiết bị, chuyển hướng sản xuất kinh doanh các mặt hàng để đáp ứng nhanh chóng những nhu cầu mới của thị trường, vượt qua khó khăn và đạt hiệu quả kinh tế cao trong thời gian ngắn.

+ DNNVV sẵn sàng đầu tư vào các lĩnh vực mới, lĩnh vực có mức độ rủi ro cao:

DNNVV được thành lập dễ dàng vì không đòi hỏi nhiều vốn, số lượng lao động không nhiều, chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng thấp nên có khả năng mạo hiểm sẵn sàng mạo hiểm. Vì vậy, DNNVV thường gặp thuận lợi hơn

trong việc thâm nhập thị trường mới, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ mới hoặc những mặt hàng có tỷ suất lợi nhuận cao. Trong trường hợp thất bại thì cũng không bị thiệt hại nặng nề như các doanh nghiệp lớn, có thể làm lại từ đầu được.

+ DNNVV dễ dàng đổi mới trang thiết bị, đổi mới công nghệ, hoạt động hiệu quả với chi phí cố định thấp:

Doanh nghiệp có nguồn vốn kinh doanh ít nên đầu tư vào các tài sản cố định cũng ít, do đó dễ tiến hành đổi mới trang thiết bị khi điều kiện cho phép. Đồng thời doanh nghiệp tận dụng được lao động dồi dào để thay thế vốn. Với chiến lược phát triển, đầu tư đúng đắn, sử dụng hợp lý các nguồn lực của mình, các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể đạt được hiệu quả kinh tế - xã hội cao, cũng như có thể sản xuất được hàng hoá có chất lượng tốt và có sức cạnh tranh trên thị trường ngay cả khi điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có nhiều hạn chế.

+ DNNVV không có hoặc ít có xung đột giữa người sử dụng lao động với người lao động:

Quy mô doanh nghiệp không lớn, số lượng lao động trong một doanh nghiệp không nhiều, sự phân công lao động trong doanh nghiệp chưa quá mức rõ rệt. Mối quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động khá gắn bó. Nếu xảy ra xung đột, mâu thuẫn thì dễ dàng dàn xếp.

- DNNVV cũng có một số hạn chế cơ bản sau:

+ DNNVV luôn bị hạn chế về vốn: Hạn chế đầu tiên và lớn nhất của DNNVV nằm trong chính đặc điểm của nó, đó là quy mô nhỏ, vốn ít, do đó các doanh nghiệp này thường lâm vào tình trạng thiếu vốn trầm trọng mỗi khi muốn mở rộng thị trường, hay tiến hành đổi mới, nâng cấp trang thiết bị. Các DNNVV gặp khó khăn trong nâng cấp trang thiết bị, đầu tư công nghệ mới, đặc biệt là các

công nghệ đòi hỏi vốn lớn, từ đó ảnh hưởng đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và tính cạnh tranh trên thị trường. Công nghệ lạc hậu đi kèm với năng lực quản lý kém nên giá thành cao, năng lực cạnh tranh thấp, ít có cơ hội tiếp cận được các đơn hàng sản xuất với giá trị gia tăng cao [6-7]. DNNVV luôn là đối tượng yếu thế trước làn sóng hội nhập bởi năng lực sản xuất nhỏ lẻ, tổ chức sản xuất khó đạt các quy chuẩn quốc tế. Trên thực tế, doanh nghiệp lớn trong nước chưa đảm nhận được vai trò dẫn dắt DNNVV cùng ngành để thâm nhập vào thị trường thế giới, cũng như chưa tập hợp được DNNVV để đủ sức phòng vệ trước hàng hóa và sự cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài. Mặt khác, lâu nay DNNVV dựa chủ yếu vào thị trường nội địa, nhưng gần đây, nhiều hệ thống bán lẻ nước ngoài xâm nhập vào thị trường trong nước, họ có xu hướng hạn chế phân phối hàng hóa sản xuất trong nước, thay vào đó là phân phối hàng hóa nhập khẩu. Do vậy, DNNVV ngày càng gặp thêm khó khăn về thị trường đầu ra, từ thị trường nội địa, cũng như xuất khẩu.

+ DNNVV có hạn chế về chất lượng nhân lực: Các DNNVV có nhiều hạn chế trong đào tạo công nhân và chủ doanh nghiệp, thiếu bí quyết và trợ giúp kỹ thuật, không có kinh nghiệm trong thiết kế sản phẩm, thiếu đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, không đủ năng lực sản xuất để đáp ứng các yêu cầu về chất lượng cao, khó nâng cao được năng suất và hiệu quả kinh doanh.

+ DNNVV luôn bị khó trong trợ giúp về tài chính và tiếp cận thị trường. Do tính chất vừa và nhỏ của nó, DNNVV gặp khó khăn trong thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác với các đơn vị kinh tế bên ngoài địa phương doanh nghiệp đó đang hoạt động; DNNVV gặp khó khăn trong thiết lập chỗ đứng vững chắc trong thị trường.

+ DNNVV tuy đã có căn cứ pháp lý để hoạt động nhưng các chính sách hỗ trợ chưa nhiều. Nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ DNNVV về thị trường, nguồn nhân lực, nghiên cứu công nghệ... còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu, chưa đáp ứng nguyện vọng của DN, chưa hướng đến mối liên kết giữa doanh nghiệp lớn với DNNVV. Trong khi đó, cơ chế chính sách chưa thật sự khuyến khích doanh nghiệp lớn phát triển vệ tinh trong nước. Các chính sách tập trung khuyến khích xuất khẩu càng tạo điều kiện cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) thâm nhập sâu hơn vào ngành công nghiệp quốc gia. Tuy nhiên, hệ thống cung ứng phụ trợ của họ nằm ở nước ngoài, hoặc lôi kéo thêm doanh nghiệp FDI khác để thực hiện hệ thống cung ứng “khép kín”. Các DNNVV trong nước khó có cơ hội để tiếp cận được các doanh nghiệp FDI. [6]

3.1.2. Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Trong khuôn khổ một bài báo tác giả xin trình bày một cách khái quát. Cả lý thuyết và thực tiễn cho thấy, vai trò của DNNVV có những vai trò chủ yếu và quan trọng như sau:

- Góp phần quan trọng vào giải quyết việc làm cho người lao động. Đây là vai trò rất quan trọng đối với các tỉnh trung du miền núi. Một nền kinh tế muốn phát triển nhất thiết phải được tổ chức. DNNVV tạo ra tiền đề để tổ chức phát triển kinh tế theo hướng hiện đại và trên phạm vi lãnh thổ rộng lớn và phát triển đa lĩnh vực. Chính điều đó tạo ra tiền đề phát triển nhiều chỗ làm việc trong phạm vi một tỉnh, một huyện; từ đó trực tiếp giảm thất nghiệp cho người lao động. Việc giảm thất nghiệp luôn luôn là mục tiêu tối thượng của các quốc gia trong quá trình phát triển.

- Góp phần gia tăng quy mô và tốc độ phát triển kinh tế. DNNVV trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng nhờ làm ra nhiều sản phẩm hàng hóa

đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đây là điểm quan trọng không chỉ cho biết DNNVV có thể tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Nếu những sản phẩm hàng hóa này có chất lượng lại có nhiều giá trị gia tăng thì chắc chắn góp phần tạo ra nhiều giá trị kinh tế, góp phần thịnh vượng nền kinh tế của tỉnh. Kinh tế có phát triển thì mới có điều kiện cải thiện mức sống dân cư và tạo ra tiền đề để tăng khả năng tích lũy từ nội bộ nền kinh tế để đầu tư tái mở rộng. Mặt khác, DNNVV còn có vai trò phát triển các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, nông lâm thủy sản. Từ đó tạo nên sự phát triển chuyên môn hóa sâu cũng như tạo ra sự phát triển tổng hợp cho nền kinh tế của địa phương.

- Góp phần tạo thêm nguồn thu ngân sách cho tỉnh. Khi DNNVV phát triển, nó làm tăng thu nhập cho người làm việc trong doanh nghiệp. Khi thu nhập tăng cao thì người dân đi mua sắm hàng hóa, nộp thuế giá trị gia tăng cho Nhà nước. Đồng thời khi người dân đi mua sắm hàng hóa sẽ thúc đẩy doanh nghiệp phát triển. Khi doanh nghiệp phát triển mạnh thì doanh thu của doanh nghiệp tăng lên. Khi doanh thu tăng lên thì doanh nghiệp nộp thuế doanh thu cho Nhà nước. Cả hai trường hợp này dẫn đến tăng nguồn thu ngân sách cho tỉnh. Khi tỉnh có nhiều ngân sách thì có thể

giải quyết được nhiều vấn đề về phúc lợi xã hội, cải tạo môi trường...

3.2. Đánh giá thực trạng vai trò doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Phú Thọ

3.2.1. Khái quát tình hình phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, tỉnh Phú Thọ phấn đấu được xếp hạng thứ 2/14 các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ về trình độ phát triển [8]. Chính quyền và nhân dân Phú Thọ đã tích cực triển khai nhiều giải pháp để phát triển kinh tế - xã hội và đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Tuy cho đến năm 2018, Phú Thọ đứng thứ 4 trong các tỉnh trung du miền núi (sau Thái Nguyên, Lào Cai và Bắc Giang). GRDP/người và năng suất lao động của Phú Thọ đều mới đạt khoảng 76-80% mức trung bình của cả nước. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là phát triển doanh nghiệp đang bộc lộ nhiều bất cập, phát triển DNNVV cũng có nhiều hạn chế.

Bảng 1. Tình hình dân số, doanh nghiệp, GRDP của tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2015	2018
1. Dân số	1.000 người	1.322	1.370	1.404
2. Lao động làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân	1.000 người	705,1	743,8	769,4
3. GRDP, giá so sánh	Tỷ đồng	21.955	31.958	40.890
Giá hiện hành	Tỷ đồng	21.955	43.148	57.351
4. GRDP/người, giá 2010	Triệu đồng	16,6	23,3	29,1
Giá hiện hành	Triệu đồng	16,6	31,5	40,8
5. GRDP/lao động xã hội, giá 2010	Triệu đồng	31,1	42,9	53,1
6. Tổng số doanh nghiệp	Doanh nghiệp	1918	2716	4722
7. Riêng DNNVV	Doanh nghiệp	1858	2610	4518
8. Tỷ lệ % so tổng số	%	96,9	96,1	95,7

Nguồn: Cục Thống kê Phú Thọ, Niên giám Thống kê năm 2016 và 2018 [9]

Bảng 1 cho thấy, số lượng các DNNVV chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng số các doanh nghiệp của tỉnh, dao động ở mức 96%. Năm 2018, tại tỉnh Phú Thọ có 4.722 doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực Nông - Lâm - Thủy sản; Công nghiệp - Xây dựng;

Thương mại - dịch vụ. Trong đó, số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ là lớn nhất. Các doanh nghiệp hoạt động ở các quy mô khác nhau, chủ yếu là nhóm doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa.

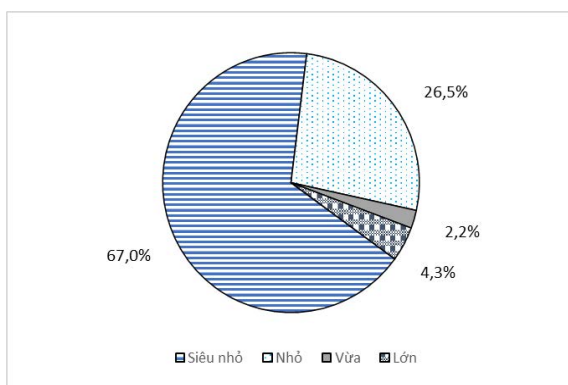
Bảng 2. Thống kê số lượng doanh nghiệp và năm hoạt động tại tỉnh Phú Thọ

TT	Quy mô doanh nghiệp	Số lượng doanh nghiệp			Số năm hoạt động bình quân (tính đến hiện tại)
		2016	2017	2018	
1	Siêu nhỏ	1.754	2.009	3.162	8,6
2	Nhỏ	1.032	1.084	1.250	11,9
3	Vừa	106	124	106	12,4
4	Lớn	131	261	204	15,3
	Tổng	3.023	3.478	4.722	

Nguồn: Tác giả phân tích

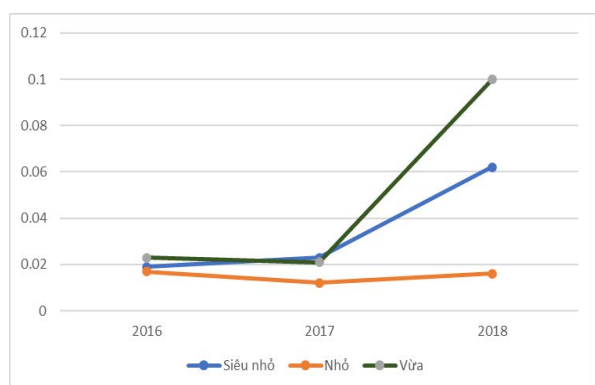
Qua bảng 2, ta thấy số lượng doanh nghiệp được thành lập và hoạt động không ngừng tăng qua các năm từ 2016-2018. Năm 2017 so với năm 2016, số lượng doanh nghiệp toàn tỉnh tăng 455 doanh nghiệp, tương ứng tỷ lệ tăng 15,05%. Trong đó, doanh nghiệp siêu nhỏ tăng nhiều nhất 255 doanh nghiệp (tỷ lệ tăng 14,54%). Số lượng DNNVV chiếm 95,67% lượng doanh nghiệp tại tỉnh năm 2016 và 92,5% năm 2017. Năm 2018 so

với năm 2017, số lượng doanh nghiệp toàn tỉnh tăng 1.244 doanh nghiệp, tương ứng tỷ lệ tăng 35,8%. Trong đó, doanh nghiệp siêu nhỏ tăng nhiều nhất 1.153 doanh nghiệp (tỷ lệ tăng 57,39%). Doanh nghiệp vừa và lớn giảm 75 doanh nghiệp. Số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 95,7% lượng doanh nghiệp tại tỉnh năm 2018 và được thể hiện tại Hình 1.



Hình 1. Tỷ trọng các doanh nghiệp phân theo quy mô năm 2018 tại tỉnh Phú Thọ

Nguồn: Tác giả phân tích



Hình 2. Sức sinh lời của tài sản (ROA) của các DNNVV (2016-2018)

Hình 2 phản ánh sức sinh lời của tài sản của riêng các DNNVV. Nếu xét riêng các DNNVV của tỉnh thì đã có những dấu hiệu tích cực trong việc gia tăng sức sinh lời của tài sản trong các DNNVV tỉnh Phú Thọ qua 03 năm (2016-2019). Các doanh nghiệp vừa đang có sự tiến triển vượt bậc và hiệu quả nhất, sau đó là các doanh nghiệp siêu nhỏ. Sức sinh lời của các doanh nghiệp nhỏ không có sự cải thiện, thậm chí đang giảm đi.

Tuy nhiên, nếu so sánh với mức trung bình của cả nước thì DNNVV của tỉnh Phú Thọ kinh doanh kém hiệu quả hơn mức trung bình của các doanh nghiệp của cả nước. Điều này cho thấy nhiều vấn đề cần nghiên cứu trong sự phát triển của các doanh nghiệp tại tỉnh Phú Thọ, nếu kéo dài tình trạng này thì chắc chắn không thể cạnh tranh được trong nền kinh tế toàn cầu hóa hiện nay. Các chỉ tiêu về hiệu quả phát triển DNNVV của tỉnh Phú Thọ thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Một số chỉ tiêu về hiệu quả phát triển DNNVV của tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Trung bình 2011-2015	2016	2017
1. Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh có lãi,%			
- Cả nước	46,5	47,3	45,6
- Phú Thọ	60,0	55,7	51,3
2. Tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ,%			
- Cả nước	39,9	49,1	48,0
- Phú Thọ	28,5	37,4	37,7
3. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế so doanh thu, %			
- Cả nước	3,7	4,1	4,2
- Phú Thọ	0,5	2,2	0,8

Nguồn: Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2019 [10]

3.2.2. Thực trạng vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ

3.2.2.1. Đánh giá chung

Nhìn chung, các DNNVV đang có những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ trên các khía cạnh: Tạo ra việc làm, đóng góp của GTSX của tỉnh, đóng góp vào GRDP của tỉnh. Đánh giá tổng quát trong Bảng 4 ta thấy:

- DNNVV chiếm trên 7% lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế quốc dân.

Tức tạo ra trên 7% số việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- DNNVV đóng góp tới khoảng 70-80% GTSX của ngành công nghiệp và xây dựng.

- DNNVV đóng góp khoảng 31-34% GRDP của tỉnh.

So với tỷ lệ 95,7% DNNVV của tỉnh, đây vẫn là một con số khiêm tốn. Nếu có những giải pháp tích cực hơn thì chắc chắn sẽ gia tăng những đóng góp cho nền kinh tế xã hội trong thời gian tới.

Bảng 4. Một số chỉ tiêu phản ánh vai trò của DNNV ở tỉnh Phú Thọ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010	2015	2018
1. Lao động xã hội	1.000 người	705,1	743,8	769,4
Riêng DNNV	1.000 người	38,6	46,1	56,7
Tỷ trọng so tổng lao động xã hội	%	5,4	6,2	7,4
2. GRDP, giá 2010	Tỷ đồng	21.955	31.958	40.890
Riêng DNNV	Tỷ đồng	1.199	1.186	2.524
Tỷ trọng so tổng số	%	31,4	33,8	34,1
3. Tổng thu ngân sách của tỉnh, giá hiện hành	Tỷ đồng	3.289	5.174	8.463
Riêng DNNV	Tỷ đồng	874,8	1.537	2.524
Tỷ trọng so tổng số	%	26,5	29,7	29,8
Tỷ trọng nộp ngân sách so doanh thu	%	2,1	3,2	4,4
4. GTSX công nghiệp - XD, giá 2010	Tỷ đồng	17.581	15.992	21.670
Riêng DNNV	Tỷ đồng	12.095	12.505	17.357
Tỷ trọng so tổng số	%	68,8	78,2	80,1

Ghi chú: GTSX: Giá trị sản xuất; XD: xây dựng

Nguồn: Cục Thống kê Phú Thọ, Niên giám Thống kê năm 2016 và 2018 [9]

3.2.2.2. Những đóng góp chủ yếu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ

Thứ nhất, Tạo ra nhiều công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ.

Bảng 5. Thống kê số lao động làm việc trong các DNNVV của tỉnh Phú Thọ

Ngành kinh doanh	2016		2017		2018	
	Số LĐ	% LĐ nữ	Số LĐ	% LĐ nữ	Số LĐ	% LĐ nữ
Nông, lâm, thủy sản	2.266	26,1	2.686	31,6	3.041	32,9
Công nghiệp, xây dựng	23.558	24,5	31.352	38,7	33.430	41,3
Thương mại, dịch vụ	12.808	10,4	19.489	36,9	20.293	38,2
	38.632	19,9	53.527	37,7	56.764	39,7

Nguồn: Tác giả tổng hợp và phân tích

Nhìn vào Bảng 5 ta thấy, các DNNVV ngày càng tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Năm 2016 thu hút 38.632 lao động. Năm 2017 thu hút 53.527 lao động, tăng 14.895 lao động so với năm 2016, tương ứng tỷ lệ tăng là 38,56%. Trong đó, ngành công nghiệp, xây dựng tăng 7.794 lao động (tăng 33,08%), ngành thương mại, dịch vụ tăng 6.681 lao động (tăng 52,16%). Năm 2018 thu hút 56.764 lao động, tăng 3.237 lao động so

với năm 2017, tương ứng tỷ lệ tăng là 6,05%. Trong đó, ngành công nghiệp, xây dựng tăng 2.078 lao động (tăng 6,63%), ngành thương mại, dịch vụ tăng 804 lao động (tăng 4,13%). Thu nhập bình quân/người/năm của các lao động tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng lên qua các năm tại tất cả các ngành nghề kinh doanh. Cụ thể:

Ngành nông, lâm, thủy sản, các doanh nghiệp siêu nhỏ năm 2016 thu nhập bình

quân là 31,29 triệu đồng/người/năm thì năm 2018 đã tăng lên đến 65 triệu đồng/người/năm; các doanh nghiệp nhỏ thu nhập của người lao động tăng từ 16,79 triệu đồng/người/năm (2016) lên 27,54 triệu đồng/người/năm (2018); các doanh nghiệp vừa tăng mạnh nhất, thu nhập của người lao động tăng gấp đôi từ 65,8 triệu đồng/người/năm lên 138,31 triệu đồng/người/năm (2018).

Ngành công nghiệp, xây dựng, các doanh nghiệp siêu nhỏ năm 2016 thu nhập bình quân là 80,54 triệu đồng/người/năm thì năm 2018 đã tăng lên rất mạnh, đến 224,05 triệu đồng/người/năm, gần gấp 3 lần; các doanh nghiệp nhỏ thu nhập của người lao động tăng từ 71,67 triệu đồng/người/năm (2016) lên 85,87 triệu đồng/người/năm (2018); các doanh nghiệp vừa thu nhập của người lao động tăng từ 61,71 triệu đồng/người/năm lên 84,45 triệu đồng/người/năm (2018). Lao động trong ngành công nghiệp, xây dựng có thu nhập cao nhất so với các lĩnh vực khác.

Ngành thương mại, dịch vụ, các doanh nghiệp siêu nhỏ năm 2016 thu nhập bình quân của người lao động lần lượt là 50,98 triệu, 68,67 triệu và 68,53 triệu đồng/người/năm của các loại hình doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ, nhỏ và vừa thì năm 2018 đã tăng lên 64,54 triệu, 86,09 triệu và 71,45 triệu đồng/người/năm tương ứng với từng quy mô doanh nghiệp.

Thứ hai, đóng góp không nhỏ vào nguồn thu ngân sách tỉnh Phú Thọ

Theo thống kê của tỉnh, khả năng thu ngân sách trên địa bàn còn hạn chế. Thu ngân sách của tỉnh chỉ mới bằng khoảng 78,8% năm 2010 và khoảng 63,4% năm 2018. Tức là năm 2010 tỷ lệ bội chi ngân sách của Phú Thọ là 21,2% và của năm 2018 là 36,6%. Đó là mức bội chi lớn. Nói cách khác, Phú Thọ đang phụ thuộc rất nhiều vào sự viện trợ từ Ngân sách Trung ương. Để tiến tới cân bằng thu - chi ngân sách nhất thiết phải phát triển nhiều doanh nghiệp, trong đó có DNNVV; đồng thời nhất thiết phải làm cho DNNVV

hiện có phát triển có hiệu quả. Điều đáng nói là quy mô doanh nghiệp của Phú Thọ nhỏ, số doanh nghiệp thuộc loại nhỏ và vừa chiếm tới khoảng 96%. Theo Sách trắng về doanh nghiệp Việt Nam [10] thì so với mức trung bình của cả nước lại vẫn nhỏ hơn nhiều (vốn sản xuất bình quân 1 lao động chỉ bằng khoảng 32,2% và tài sản cố định bình quân 1 lao động cũng chỉ bằng khoảng 66,2% so mức trung bình của cả nước). Vốn lưu động quá bé thì sản xuất kinh doanh sẽ có hạn. Đó là điều ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế của địa phương.

3.3. Kiến nghị với tỉnh Phú Thọ

Trên cơ sở kết quả đã trình bày ở trên, tác giả xin kiến nghị một số việc phải làm để thúc đẩy sự phát triển doanh nghiệp nói chung và phát triển DNNVV nói riêng trong thời gian tới. Đó là:

Thứ nhất, Xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong ngắn hạn và dài hạn. Tỉnh Phú Thọ cần xây dựng chiến lược phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn, chú trọng tạo điều kiện cho các DNNVV đồng thời thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp có quy mô vừa, lớn. Đây là kinh nghiệm của các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc, Sơn La... Do đó, phải thu hút các tập đoàn kinh tế trong nước và các tập đoàn mang tầm chiến lược FDI.

Trên cơ sở chiến lược phát triển doanh nghiệp, trong đó có phát triển DNNVV UBND tỉnh cần xây dựng Chương trình phát triển cụ thể cho cả thời kỳ ngắn hạn và dài hạn (đến 2030). Trên cơ sở đó tiến hành hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển DNNVV nói riêng. Từ đó tiến hành cụ thể hóa luật pháp của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp, phát triển DNNVV; Đồng thời xây dựng những chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp ra đời, ứng dụng

công nghệ hiện đại và chuyển đổi số trong quản trị.

Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả. UBND tỉnh cần quyết định được các lĩnh vực mũi nhọn, các sản phẩm hàng hóa chủ lực trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế so sánh và thu hút thật nhiều doanh nghiệp lớn, có tầm chiến lược từ các tỉnh cũng như từ các quốc gia phát triển hàng đầu trên thế giới.

Thứ hai, Phát huy các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện có. UBND tỉnh nên có kế hoạch cụ thể để DNNVV thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ quản trị hiện đại, đổi mới sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc; tham gia chuỗi giá trị quốc gia và toàn cầu.

Tăng cường nâng cao chất lượng về nhân lực để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sản xuất kinh doanh trước mắt và lâu dài, bằng cách: đảm bảo về quy mô, cơ cấu theo ngành nghề, giới tính, độ tuổi sao cho phù hợp, thực hiện phân công lao động hợp lý, luôn tính đến hiệu quả công việc. Luôn coi trọng việc nâng cao trình độ người lao động từ khâu tuyển dụng, đến việc gửi đi đào tạo và đào tạo lại, để tạo được đội ngũ lao động lành nghề, có kỷ luật và năng suất lao động cao, trình độ chuyên môn vững tạo ra chất lượng sản phẩm và dịch vụ cao.

Sẵn sàng chuẩn bị nguồn nhân lực để tham gia vào nền kinh tế số - nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số. Kinh tế số bao gồm tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính, ngân hàng...) nên nó bao phủ đến tất cả các DNNVV. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ các DNNVV của tỉnh Phú Thọ vẫn chậm đổi mới nên cần thiết phải cập nhật thông tin, nâng cao chất lượng, trình độ quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản

lý tài chính, đào tạo hoặc bổ sung nguồn lực phù hợp với xu thế kinh tế hiện nay. Kinh tế số có thể được tập hợp trong 3 quá trình xử lý chính đan xen với nhau: xử lý vật liệu, xử lý năng lượng, xử lý thông tin. Trong đó, xử lý thông tin là khâu quan trọng nhất mà các DNNVV của tỉnh Phú Thọ cần lưu ý.

UBND tỉnh nên có kế hoạch thành lập Hiệp hội doanh nghiệp theo ngành nghề để kết nối có hiệu quả DNNVV với chính quyền tỉnh và với thị trường quốc tế.

Thứ ba, Thường xuyên đánh giá hiệu quả của các doanh nghiệp

Thực hiện phân tích kết quả và hiệu quả kinh doanh để thấy được điểm mạnh, điểm yếu ở từng khâu, từng bộ phận từ đó đề ra kế hoạch và các giải pháp cho kỳ tới phát triển tốt hơn. Về tài chính luôn cần thiết phải thực hiện tốt việc thu hút vốn, bảo tồn và phát triển vốn, muốn vậy phải thực hiện hạch toán kế toán theo những nguyên tắc chuẩn mực hiện hành, tăng cường kiểm soát nội bộ, thực hiện kiểm toán độc lập, để ngăn ngừa sai phạm, thất thoát, thực sự đưa đồng vốn sử dụng có hiệu quả. Đồng thời thực hiện liên kết liên doanh với các doanh nghiệp khác theo nguyên tắc hợp đồng và đảm bảo tính pháp lý chặt chẽ. Thực hiện tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước ban hành về Luật Doanh nghiệp, Luật Môi trường, chính sách thuế và tài chính.

Thứ tư, Các DNNVV cần nâng cao trách nhiệm xã hội doanh nghiệp thông qua những hành động và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Phú Thọ.

4. Kết luận

Vai trò của DNNVV đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Phú Thọ vẫn sẽ ngày càng lớn trong thời kỳ tới. Bên cạnh việc phát huy thật tốt vai trò của DNNVV hiện có, phải nhanh chóng phát triển thêm nhiều DNNVV hơn nữa trong thời gian tới. Tỉnh Phú Thọ có điều kiện

phát triển DNNVV và rất cần phát triển mạnh mẽ DNNVV. Trên địa bàn tỉnh phần đầu đến 2030 phải có khoảng 10.000 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp lớn chiếm khoảng 10-12%. Các DNNVV cũng lớn lên, quy mô vốn sản xuất và lao động phải gấp 2,5-3 lần so hiện nay; phần đầu không còn doanh nghiệp làm ăn thua lỗ mà phải làm ăn có lãi. Phát triển DNNVV là trách nhiệm của cả xã hội nhưng trước hết phải là trách nhiệm của chính quyền tỉnh, huyện, xã. Vì thế nhanh chóng nâng cao năng lực quản trị địa phương ở tỉnh Phú Thọ. UBND tỉnh Phú Thọ ngoài 5 việc có tính giải pháp kể trên, cần nhanh chóng nâng cao trình độ và năng lực quản lý kinh tế của các huyện, xã, nhanh chóng nâng cao năng lực quản lý phát triển doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Jasra J., Hunjra A. I., Rehman A. U., Azam R. I., & Khan M. A. (2011). Determinants of business success of small and medium enterprises. *International Journal of Business and Social Science*, 2(20), 274-280.
- [2] Tổng cục Thống kê Việt Nam (2016-2018). Số liệu điều tra doanh nghiệp hàng năm.
- [3] Trường Đại học Hùng Vương (2019). Báo cáo tổng hợp đánh giá thực trạng và định hướng phát triển nhân lực của tỉnh Phú Thọ đến năm 2025.
- [4] Lê Thị Thanh Thủy, Dương Thị Dung & Phạm Quang Sáng (2018). Doanh nghiệp tỉnh Phú Thọ: Thực trạng và giải pháp phát triển trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội*, 250 (II), 79-88.
- [5] Chính phủ (2018). Nghị định số 39/2018/NĐ-CP về Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- [6] Tạp chí Tài chính (2017). Doanh nghiệp vừa và nhỏ được xem là xương sống của nền kinh tế APEC. Truy cập từ <<http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/tai-chinh-doanh-nghiep/doanh-nghiep-vua-va-nho-duoc-xem-la-xuong-song-cua-nen-kinh-te-apec-128916.html>>.
- [7] Tạp chí Tài chính (2019). Sự yếu thế của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Truy cập từ <<http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/su-yeu-the-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua-311077.html>>.
- [8] Báo Phú Thọ (2020). Phú Thọ nằm trong top đầu về trình độ phát triển các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Truy cập từ <<http://baophutho.vn/xa-hoi/202006/phu-tho-nam-trong-top-dau-ve-trinh-do-phat-trien-cac-tinh-vung-trung-du-va-mien-nui-bac-bo-171505>>.
- [9] UBND tỉnh Phú Thọ (2016-2018). Niên giám Thống kê tỉnh Phú Thọ (2016-2018).
- [10] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2019). Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2019. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

AN ASSESSMENT OF THE ROLES OF SMALL AND MEDIUM ENTERPRISES IN THE LOCAL SOCIO-ECONOMIC DEVELOPMENT IN PHU THO PROVINCE

Diep To Uyen¹, Phung Thi Khang Ninh¹,
Tran Thi Bich Nhan¹, Le Van Bac¹, Tran Manh Dung²

¹*Faculty of Economics and Business Administration, Hung Vuong University, Phu Tho*

²*Journal of Economics & Development, National Economics University, Hanoi*

Abstract

The research was based on the theoretical basis and legal basis which uses the annual survey data of General Statistics Office of Vietnam to analyze the roles of small and medium enterprises in the local socio-economic development in Phu Tho province for the period from 2010 to 2018. The study results showed that the number of small and medium enterprises accounted for 96% of total enterprises in Phu Tho. They played an important role in creating many jobs, increasing economic scale and contributing largely to the local budget. From the analysis, some recommendations were suggested to promote the role of small and medium enterprises in the local socio-economic development, and the scientific bases were also provided for planning enterprises' development directions in Phu Tho province in the coming years.

Keywords: *Small and medium enterprises, Phu Tho province, role.*